

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/DS-ST**

Ngày: 04/4/2019.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Nik Êban

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Minh Nguyệt. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2018/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 3 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị V. Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Chu Văn D. Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đặng Thị V trình bày:**

Tôi (V) chung sống với anh Chu Văn D trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20 tháng 10 năm 2001. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chồng tôi không chịu làm ăn, suốt ngày rượu chè rồi đánh đập tôi. Anh còn có tật bài bạc thâu đêm, về còn quậy phá không cho vợ con ngủ. Anh D còn dùng nhiều lời lẽ sỉ nhục tôi, vợ chồng chung sống không tôn trọng nhau, thường xuyên nghi ngờ nhau, sống không có hạnh phúc, rồi anh D không có lập trường vững vàng. Nay xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Chu Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và anh Chu Văn D có 02 con chung là cháu Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và cháu Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003. Nguyên vọng của tôi là muốn được nuôi cả 02 con chung là Chu Mạnh C và Chu Cao Q đến khi con thành niên tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, nuôi con chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Chu Văn D trình bày:** Tôi và chị Đặng Thị V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/10/2001. Sau khi về chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Tôi có tát vợ mấy cái nhưng mà lâu rồi. Nay xét thấy tôi vẫn còn tình cảm với vợ tôi, tôi muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị V.

Về con chung: quá trình chung sống tôi và chị Đặng Thị V có 02 con chung là cháu Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và cháu Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003. Trong trường hợp vợ chồng không chung sống được với nhau thì tôi đồng ý giao con Chu Cao Q cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Còn cháu Chu Mạnh C, cháu có nguyện vọng sống với ai thì là quyền của cháu.

Về cấp dưỡng, nuôi con chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tôi tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị Đặng Thị V được ly hôn với anh Chu Văn D.

- Về con chung: Anh Chu Văn D đồng ý giao các con chung là Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003 cho chị Đặng Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn D không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử hòa giải cho anh D và chị V đoàn tụ vợ chồng.

Ý kiến của cháu Chu Cao Q và cháu Chu Mạnh C tại phiên tòa xác định: Trong cuộc sống hàng ngày của bố mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã dẫn đến đánh đập nhau, bố uống rượu vào thì không chịu làm ăn kinh tế mỗi lần say về thì quấy rối mẹ và chúng cháu, thường đánh bài bạc, khi mẹ cháu nói thì dẫn đến cãi vã, bịa đặt chuyện mẹ cháu ngoại tình với người khác thực ra chuyện không phải là như vậy. Nay bố mẹ cháu ly hôn tại Tòa án thì chúng cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội

đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị V và ông Chu Văn D kết hôn với nhau là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà V và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà V khởi kiện xin ly hôn với ông D là có căn cứ.

- Về con chung: Bà V có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng, cháu C và cháu Q đều có nguyện vọng sinh sống cùng với mẹ, ông D cũng đồng ý với nguyện vọng trên nên việc giao các con chung cho bà V chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Từ các phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: về quan hệ hôn nhân, chấp nhận việc bà Đặng Thị V khởi kiện xin ly hôn với ông Chu Văn D; về con chung, giao 02 cháu Chu Mạnh C và Chu Cao Q cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, bà V không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, bà V không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với anh Chu Văn D. Chị V và anh D đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Y, K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị V và anh Chu Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/10/2001 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị V và anh D thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, anh D không chịu làm ăn, còn có tật bài bạc thâu đêm, suốt ngày rượu chè rồi đánh đập chị V, mỗi lần say về còn quậy phá không cho chị V ngủ. Anh D còn dùng nhiều lời lẽ sỉ nhục chị V, vợ chồng chung sống không tôn trọng nhau, thường xuyên nghi ngờ nhau, sống không có hạnh phúc, hơn nữa anh D không có lập trường vững vàng, tại phiên tòa các con của anh D và chị V là cháu Chu Mạnh C và cháu Chu Cao Q xác định mâu thuẫn như lời trình bày của mẹ là đúng sự thực. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác nhận trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng chị V, anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, tình trạng mâu thuẫn diễn ra từ 3 đến 4 năm nay. Việc này thể hiện tình trạng

hôn nhân giữa chị V và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng của chị V giành cho anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị V, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mặc dù anh D đã ăn năn hối hận về hành vi của mình, nhưng xét thấy anh D không có sự cảm thông, không tôn trọng chị V. Nên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị V và anh Chu Văn D có 02 con chung, gồm Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003 các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời, anh Chu Văn D đồng ý giao các con chung là Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003 cho chị Đặng Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Nên HĐXX xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004732 ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị V được ly hôn với anh Chu Văn D.
2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Chu Mạnh C sinh ngày 05 tháng 9 năm 2001 và Chu Cao Q sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- Về trợ cấp nuôi con chung: Chị Đặng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Chu Văn D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Chu Văn D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004598 ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc